

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ ACB**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ ACB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108852095

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 9, Thôn 2, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0376975668

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                       | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4291        |
| 9.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                          | 4292        |
| 10. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                    | 4293        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Xây dựng bể bơi ngoài trời | 4390 |
| 18. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời - Sản xuất khung kim loại công nghiệp - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng - Sản xuất vách ngăn văn phòng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                     | 2511 |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Khảo sát xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng                                                                                                                                                                         | 7110 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                     | 4659 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                              | 4663 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 27. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2395 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3240 |
| 29. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4764 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước ( Điều 28 Luật thương mại 2005)<br>(Đối với những ngành, nghề có điều kiện Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ VĂN THAO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 07/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086027186

Ngày cấp: 14/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 6, Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ VĂN THAO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086027186

Ngày cấp: 14/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 6, Thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội